

# MỤC LỤC

- 1. Tầm nhìn và sứ mệnh**
- 2. Phát biểu của Chủ tịch Hội đồng quản trị**
- 3. Thông tin công ty**
  - Giới thiệu về công ty
  - Cơ cấu tổ chức công ty
  - Giới thiệu Hội đồng quản trị
  - Giới thiệu Ban kiểm soát
  - Giới thiệu Ban điều hành
  - Thông tin cổ đông
- 4. Báo cáo của Hội đồng quản trị**
- 5. Báo cáo Ban điều hành**
  - Tổng quan hoạt động kinh doanh
  - Kế hoạch kinh doanh năm 2014
- 6. Báo cáo của Ban kiểm soát**
- 7. Báo cáo quản trị**
- 8. Quản trị rủi ro**
- 9. Báo cáo tài chính**
- 10. Hướng đến cộng đồng**
- 11. Hệ thống các chi nhánh**

# TÂM NHÌN - SỨ MỆNH

## **Tâm nhìn**

Trở thành công ty hàng đầu của Việt Nam trong ngành hóa mỹ phẩm phục vụ cho thị trường Việt Nam và quốc tế.

## **Sứ mệnh**

Cam kết mang đến cho khách hàng sản phẩm với chất lượng và giá cả hợp lý nhất, luôn hướng tới mọi hoạt động của Công ty nhằm phục vụ sự thỏa mãn khách hàng.

## **PHÁT BIỂU CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Kính thưa quý cổ đông, các nhà đầu tư,

Năm 2013 đã qua đi trong bối cảnh kinh tế thế giới khủng hoảng vẫn chưa có dấu hiệu chấm dứt. Đối với kinh tế vĩ mô trong nước, mặc dù đã có những chính sách hỗ trợ của chính phủ, nhưng năm 2013 cũng đánh dấu sự đuối sức của các doanh nghiệp sau gần một nửa thập niên trong cơn bão khủng hoảng tài chính toàn cầu.

Với những dự báo về tình hình kinh tế trong năm, Hội đồng Quản trị đã tập trung theo sát và có những chỉ đạo kịp thời, cùng với sự điều hành linh hoạt nhiều sáng tạo của Ban Tổng Giám đốc và nỗ lực của cán bộ, nhân viên công ty là một trong những yếu tố chính đã giúp SCC vượt qua những khó khăn, tiếp tục phát triển mạnh mẽ nhờ chuỗi lợi thế kinh doanh cốt lõi. SCC được người tiêu dùng tin nhiệm dù trong giai đoạn kinh tế khó khăn nhưng công ty vẫn tăng trưởng vượt mức lợi nhuận đề ra.

Đặc biệt, lợi nhuận trước thuế năm 2013 đạt hơn 14.2 tỷ đồng tăng 9% so với cùng kỳ năm 2012, kết quả này cho thấy hoạt động kinh doanh của SCC tiếp tục phát triển, tạo ra giá trị gia tăng và bền vững hơn.

Với kết quả trên một lần nữa đã minh chứng khẳng định SCC đang bước những bước đi vững chắc trên con đường trở thành một trong những thương hiệu mỹ phẩm có uy tín tại Việt Nam, khẳng định cam kết của một thương hiệu luôn hướng tới mục đích tạo ra những giá trị cao nhất cho người tiêu dùng và toàn xã hội.

Bước sang năm 2014, với dự báo tình hình kinh tế chính trị sẽ còn nhiều diễn biến phức tạp và khó lường hơn năm 2013, nhưng Chúng tôi tin tưởng rằng với năng lực và nguồn lực của SCC sẽ đủ khả năng thực hiện tốt kế hoạch kinh doanh trong năm 2014.

Thay mặt Công ty, HĐQT tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến quý khách hàng, các cổ đông, đối tác trong và ngoài nước, Ban điều hành cùng đội ngũ cán bộ công nhân viên công ty đã luôn đồng hành và ủng hộ để Công ty CP Mỹ phẩm Sài Gòn luôn đạt được nhiều thành quả mới.

Mong rằng trong thời gian tới Công ty tiếp tục được sự cộng tác và hỗ trợ của quý vị đó chính là nguồn động lực để Công ty CP Mỹ Phẩm Sài Gòn sẽ mãi xứng đáng với sự tin nhiệm của quý vị.

Chúng tôi xin tri ân quý vị đã gắn bó với chúng tôi trong suốt quá trình công ty phát triển đến nay, đã tin cậy và sử dụng sản phẩm công ty đó là động lực để Mỹ Phẩm Sài Gòn tiếp tục vươn lên vị trí xứng đáng trong lòng mọi người mọi lúc và mọi nơi.

Cuối cùng kính chúc quý vị được nhiều sức khỏe, thành công trên mọi lĩnh vực.  
Xin chân thành cảm ơn.

Tp. HCM, ngày 02 tháng 06 năm 2014

**TM. Hội Đồng Quản Trị**

**Chủ Tịch**



*Nguyễn Kim Hoa*

## THÔNG TIN CÔNG TY

### ✓ GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY

#### 1. Những sự kiện quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển công ty

##### ➤ Giai đoạn công ty là doanh nghiệp nhà nước (1990 đến 1999)

- **Năm 1990:** thành lập Xí nghiệp Mỹ phẩm Sài Gòn, tiền thân là hãng nước hoa Imortel trước năm 1975.
- **Năm 1992:** Xí nghiệp Mỹ phẩm Sài Gòn được chuyển thành Công ty Mỹ phẩm Sài Gòn, trực thuộc Sở Công Nghiệp, hạch toán độc lập.

##### ➤ Giai đoạn cổ phần hóa (1999 -2011...)

- **Năm 1999:** Trở thành Công ty cổ phần Mỹ phẩm Sài Gòn theo Quyết định số 1135/QĐ-TTg ngày 07/12/1999 của Thủ tướng Chính phủ. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000006 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư cấp ngày 28/01/2000.
- **Năm 2001 đến 2003:** Triển khai và áp dụng thành công ISO 9001: 2000 vào công tác quản trị hệ thống
- **Năm 2003 đến 2005:** Đầu tư mua và xây dựng nhà máy mới tại 930 Nguyễn Thị Định, Khu Công nghiệp Cát Lái 2, Quận 2, TP.HCM.  
**Năm 2005 :** Nhận chứng chỉ ISO 9001:2000
- **Năm 2006 :** Khánh thành nhà máy, di dời toàn bộ 3 nhà xưởng cũ về nhà máy mới hoạt động với dây chuyền sản xuất khép kín, máy móc thiết bị hiện đại. Bao gồm 1 khu văn phòng; 03 phân xưởng sản xuất chính: nước hoa, xà bông, và dầu gội; 02 khu pha chế và 01 kho hàng.
- **Năm 2007:** Chính thức trở thành công ty đại chúng, công bố thông tin theo quy định
- **Năm 2009 :** Xây dựng hệ thống phân phối và xây dựng thương hiệu hướng đến cộng đồng
- **Năm 2010 - 2012:** Trở thành 1 trong những đơn vị đầu tiên trong ngành mỹ phẩm đạt được chứng nhận CGMP ASEAN. Nhận chứng chỉ ISO 9001:2008

## 2. Các danh hiệu nổi bật

Qua hơn 20 năm hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã vinh dự đạt được rất nhiều danh hiệu, trong đó nổi bật bao gồm :

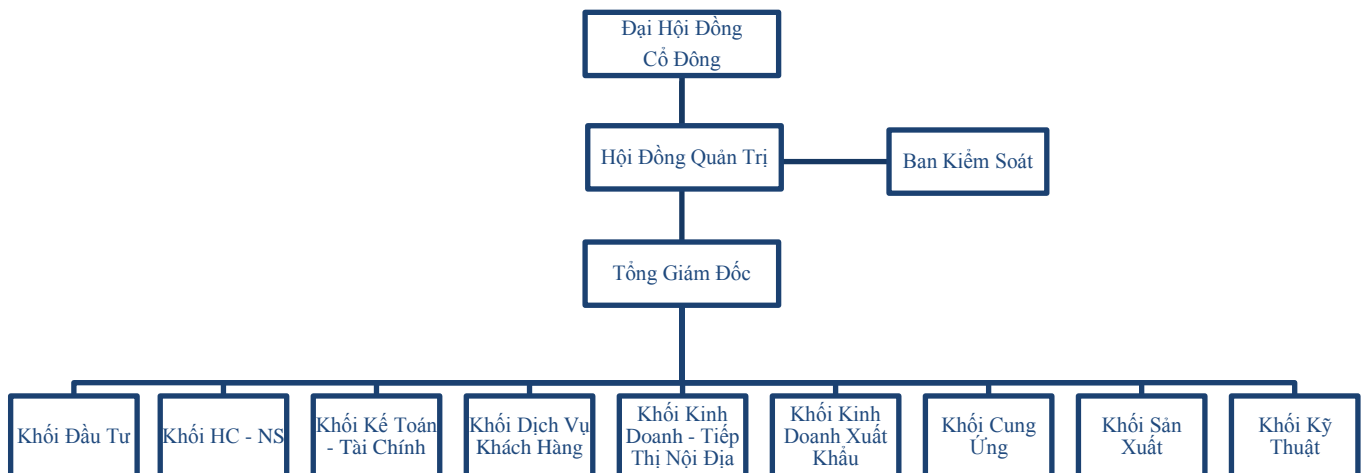
Năm	Tên danh hiệu	Tổ chức trao tặng
1994	Huân chương lao động hạng Ba	Chủ tịch nước
2000	Huân chương lao động hạng Nhì	Chủ tịch nước
2004	Thương hiệu mạnh	Thời báo Kinh tế Việt Nam
2005	Thương hiệu Việt yêu thích	Thời báo Kinh tế Việt Nam
2006	“Top 5” ngành hàng mỹ phẩm của cả nước	Báo Sài gòn tiếp thị
2006	Huân chương lao động hạng Nhất	Chủ tịch nước
2007	Doanh nghiệp mỹ phẩm duy nhất được giải thưởng “ WIPO ” về sở hữu trí tuệ	Liên Hiệp Quốc
2007	Bằng danh dự đã có thành tích xuất sắc trong việc hỗ trợ các tài năng sáng tạo Khoa học – Công nghệ Việt Nam giai đoạn 2005-2007	Quỹ hỗ trợ sáng tạo Kỹ thuật Việt Nam (VIFOTEC)
2008 - 2010	Thương hiệu nước hoa Miss Saigon đạt giải thưởng “Thương hiệu nổi tiếng”	VCCI & SC Nielsen
2009	Top 500 thương hiệu mạnh	VCCI
2010	Doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh xuất sắc trong 05 năm liền	Thủ tướng chính phủ
1997 -2013	Hàng Việt Nam chất lượng cao 18 năm liên tiếp (1997 – 2013) và được người tiêu dùng bình chọn : “Sản phẩm tốt nhất”.	Báo Sài Gòn Tiếp thị

2011	Cúp vàng Top ten Thương hiệu Việt-ứng dụng khoa học kỹ thuật	TT NC-UD Phát triển Thương hiệu Việt
2011	Sao Vàng Đất Việt	Hội Doanh nhân trẻ VN
2007 2011	- Cúp Bông Hồng Vàng 5 năm liền	VCCI
2012	Top 1000 doanh nghiệp đóng thuế thu nhập doanh nghiệp lớn VN	VN report và tạp chí thuế, Vietnam net
2013	Sao Vàng Đất Việt	Hội Doanh nhân trẻ VN

### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, kinh doanh các loại mỹ phẩm, các loại chất tẩy rửa.
- Xuất nhập khẩu trực tiếp mỹ phẩm, máy móc thiết bị, nguyên vật liệu phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh hóa mỹ phẩm.
- Thực hiện các dịch vụ thẩm mỹ.
- Kinh doanh bất động sản. Cho thuê nhà ở, văn phòng.

#### ✓ CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY



## Số lượng lao động

Tổng số lượng lao động hiện nay tại Công ty là 392 người.

Cơ cấu lao động phân theo đối tượng lao động

Đối tượng lao động	Số người	Tỷ lệ
Lao động trực tiếp	109	28%
Lao động gián tiếp	279	72%
Tổng cộng	388	100%

## Cơ cấu lao động phân chia theo trình độ

Trình độ	Số người	Tỷ lệ
Trên đại học	04	1%
Đại học	108	28%
Trung cấp	38	10%
Sơ cấp và công nhân kỹ thuật	238	61%
Tổng cộng	388	100%

### a. Chính sách đào tạo

Hàng năm, Công ty lập kế hoạch đào tạo từ đào tạo tay nghề cho công nhân đến đào tạo nghiệp vụ cho nhân viên (bao gồm đào tạo nội bộ và đào tạo từ bên ngoài). Việc huấn luyện hay đào tạo lại cũng được Công ty thực hiện ngay khi thay đổi kỹ thuật hay cách thức, cơ cấu tổ chức sản xuất.

### b. Chính sách đối với người lao động

- Bên cạnh chế độ chính sách khuyến khích nhân tài, Công ty luôn tạo môi trường làm việc đoàn kết và cạnh tranh để người lao động phát huy hết khả năng của mình.
- Công ty tuân thủ nghiêm túc mọi quy định của pháp luật và luật lao động được Bộ lao động quy định như: ký hợp đồng trực tiếp với người lao động, tuân thủ mọi quy định về nộp thuế thu nhập cá nhân, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn...

**Chính sách lương:** Quy chế tiền lương, thưởng của Công ty ban hành phù hợp với Bộ luật lao động, trên tinh thần đảm bảo công bằng, khuyến khích người lao



động gắn bó lâu dài với công ty và tạo động lực nâng cao chất lượng và tinh thần trách nhiệm trong công việc.

**Chính sách trợ cấp:** Ngoài tiền lương, thưởng, người lao động ở còn được hưởng các khoản phụ cấp, trợ cấp khác theo lương tùy thuộc vị trí công tác, năng lực làm việc của mỗi người và kết quả hoạt động của Công ty. Các chế độ bảo hiểm như Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế cho người lao động được Công ty thực hiện tốt. Công tác chăm sóc sức khỏe cho người lao động, đặc biệt là lao động nữ rất được quan tâm.

Hiện tại, vẫn duy trì chế độ ăn trưa hàng ngày với chất lượng đảm bảo cho CBCNV trong Công ty. Hàng năm vào dịp lễ, Công ty tổ chức các hoạt động văn thể mỹ, vào dịp hè tổ chức các chuyến nghỉ mát cho toàn thể CBCNV.

#### ✓ GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Theo nghị quyết Đại Hội cổ đông thường niên năm 2008 tổ chức ngày 08/12/2009, Đại Hội cổ đông có tiến hành bầu cử HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2010-2014

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty, gồm 07 thành viên, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Stt	Họ và tên	Chức danh	Sinh năm	Chuyên môn
1	Nguyễn Kim Thoa	Chủ tịch HĐQT	1954	Kỹ sư Hóa
2	Lý Nguyễn Lan Phương	Thành viên HĐQT	1984	Cử nhân Tài Chính
3	Nguyễn Hồng Tâm Đại diện phần vốn nhà nước	Thành viên HĐQT	1959	Cử nhân Kinh tế
4	Trần Phương Ivy	Thành viên HĐQT	1976	Thạc sĩ quản trị kinh doanh
5	Lê Duy Cường	Thành viên HĐQT	1967	Kỹ sư Hoá
6	Huỳnh Khôn	Thành viên HĐQT	1945	Cử nhân Kinh tế
7	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Thành viên HĐQT	1976	Cử nhân Dược

Trong số 7 thành viên của Hội đồng Quản trị có 2 thành viên là thành viên độc lập không tham gia vào điều hành và 1 thành viên là tổ chức do ông Nguyễn Hồng Tâm đại diện phần vốn nhà nước tại Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn (Satra). Các thành viên HĐQT thường xuyên liên lạc, tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng tháng nhằm thảo luận về tình hình hoạt động của công ty kịp thời đưa ra những quyết định định hướng cho Ban điều hành.

#### ✓ GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên, thay mặt Đại hội đồng cổ đông kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

##### *Ban kiểm soát (BKS)*

Stt	Họ và tên	Chức danh	Sinh năm	Chuyên môn
1	Đào Nam Việt	Trưởng ban	1954	Kỹ sư Hóa
2	Lê Quang Dũng	Thành viên	1973	Thạc sĩ QTKD
3	Hà Như Linh	Thành viên	1955	Cử nhân Tài chính

Trong năm 2012, Ban Kiểm Soát đã xem xét toàn diện hoạt động của công ty để báo cáo Đại hội đồng cổ đông trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Thù lao của Hội Đồng Quản trị và Ban Kiểm Soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định là 2.5% /LNTT.

#### ✓ GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH

Stt	Họ và tên	Chức danh	Sinh năm	Chuyên môn
1	Lý Nguyễn Lan Phương	Tổng Giám đốc	1984	Cử nhân Tài Chính
2	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Giám đốc Đầu tư	1976	Cử nhân Dược
3	Lê Quang Dũng	Giám đốc xuất khẩu	1973	Cử nhân Luật
4	Lê Duy Cường	Giám đốc Kỹ Thuật Đảm Bảo Chất Lượng	1967	Kỹ sư Hoá
5	Đào Nam Việt	Giám đốc Sản xuất	1954	Kỹ sư Hoá

6	Ngô Tuyết Xuân	Phó Giám Đốc Dịch vụ khách hàng	1974	Cử nhân Kinh tế
7	Nguyễn Hồng Tâm	Giám đốc Hành chính nhân sự	1959	Cử nhân Kinh tế
8	Trần Ngọc Cẩm	Giám đốc Tài chính	1964	Cử nhân Kinh tế
9	Nguyễn Quốc Sử	Giám đốc Cung ứng	1963	Kỹ sư Hoá

### ✓ THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

Thời điểm 31/12/2013, danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% trên vốn cổ phần

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ/vốn cổ phần hiện tại
1	Bà Nguyễn Kim Thoa	1.209.456	15,00%
2	Bà Lý Nguyễn Lan Phương	616.473	7,65%
3	Ông Nguyễn Hồng Tâm Đại diện phần vốn nhà nước	588.816	7,30%
4	Ông Lee Juay Meng	582.229	7,22%
5	Ông Huỳnh Khôn	527.900	6,55%
6	Bà Trần Phương Ivy	444,529	5,5%

Số lượng cổ phiếu sở hữu của các thành viên Hội đồng quản trị

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ/vốn cổ phần hiện tại
1	Bà Nguyễn Kim Thoa	1.209.456	15,00%
2	Ông Nguyễn Hồng Tâm Đại diện phần vốn nhà nước	588.816	7,30%
3	Ông Huỳnh Khôn	527.900	6,55%
4	Ông Lê Duy Cường	150.584	1,87%
5	Bà Lý Nguyễn Lan Phương	616.473	7,65%
6	Bà Trần Phương Ivy	444,529	5,50%
7	Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo	163.916	1,93%

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **1. Tình hình kinh tế chung năm 2013**

- Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2013 tăng 5,42% so với năm 2012. Trong bối cảnh khó khăn chung, các doanh nghiệp lĩnh vực thương mại dịch vụ và xuất khẩu liên tục đối mặt với nhiều thách thức gây ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất kinh doanh.
- Hoạt động bán lẻ từ năm 2011 đến nay nhìn chung chậm lại trên tất cả các kênh truyền thống cũng như siêu thị. Tổng mức hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2013 ước tính đạt 2,618 nghìn tỷ đồng, tăng 12,6% so với năm 2012 và là mức tăng thấp nhất trong vòng bốn năm trở lại đây, loại trừ yếu tố tăng giá. Các ngành tăng trưởng cao: thực phẩm tươi, lương thực, chăm sóc gia đình.
- Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2013 tăng 6,6% so với bình quân năm 2012, thấp hơn nhiều so với mức tăng 9,21% của năm 2012. Đây là năm có chỉ số giá tiêu dùng tăng thấp trong 10 năm trở lại đây.

(Nguồn: Công Thông Tin Điện Tử Chính Phủ <http://www.chinhphu.vn>)

### **2. Tóm tắt tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2013**

#### **2.1. Thuận lợi và khó khăn**

##### **Thuận lợi :**

- Tình hình tài chính lành mạnh.
- Hoạt động kinh doanh năm 2013 không phụ thuộc nguồn vốn vay ngân hàng.
- Cân đối tỷ trọng doanh thu giữa nội địa và xuất khẩu hợp lý, giúp công ty phòng ngừa rủi ro và về tỷ giá (nguyên vật liệu nhập khẩu).
- HĐQT và Ban điều hành luôn theo sát và điều chỉnh hoạt động công ty trong tình hình kinh tế diễn biến phức tạp.
- Đội ngũ cán bộ công nhân viên có tinh thần trách nhiệm cao và sáng tạo.

##### **Khó khăn :**

- Sức mua cho sản phẩm tiêu dùng của thị trường nội địa giảm mạnh.
- Thị trường mỹ phẩm cạnh tranh chưa lành mạnh, một số hình thức như trốn thuế, vi phạm quyền sở hữu trí tuệ của một số doanh nghiệp cùng ngành và hàng nhập lậu bán tràn lan.
- Giá tiêu dùng các nguyên vật liệu đầu vào, giá xăng dầu và giá điện liên tục tăng.

## 2.2. Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2013

- Trong năm 2013, Công ty đã thay đổi chính sách tín dụng, lành mạnh hóa hệ thống thanh toán, giảm công nợ, tăng tính thanh khoản.
- Công ty đã vượt qua những khó khăn, tiếp tục khẳng định quá trình phát triển mạnh mẽ nhờ chuỗi lợi thế kinh doanh cốt lõi đã được xây dựng trong suốt quá trình phát triển. SCC được người tiêu dùng tín nhiệm dù trong giai đoạn kinh tế khó khăn nhưng công ty vẫn tăng trưởng vượt mức lợi nhuận đề ra.
- Đặc biệt, lợi nhuận trước thuế đạt hơn 14,2 tỷ đồng tăng 9% so với cùng kỳ năm 2012, kết quả này cho thấy hoạt động SCC tiếp tục phát triển, tạo ra giá trị gia tăng và bền vững hơn.
- Niềm độ tài chính 2013 cũng đánh dấu bước phát triển thị trường xuất khẩu. Bên cạnh việc ổn định và tăng trưởng hệ thống phân phối ở các thị trường cơ bản xuất khẩu đầy mạnh khai thác thị trường mới như Australia.
- Kênh nội địa cũng đã phát triển thị phần khuếch trương sâu rộng và giảm thiểu tối đa lượng hàng tồn kho tại nhà phân phối, đẩy nhanh tốc độ tiêu thụ sản phẩm.

Năm 2013 Công ty đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận như sau:

**Bảng kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013 :**

*ĐVT: Tỷ đồng*

Chỉ tiêu	TH 2013	KH 2013	TH 2013/ KH2013(%)	TH 2012	TH 2013/ TH2012(%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.	187.34	196.00	96%	183.24	102%
Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu (Đvt : đồng)	1,329	1,241	107%	1,374	97%
Lợi nhuận trước thuế	14,20	13,50	105%	13,00	109%

- Doanh thu năm 2013 của công ty đạt 187,33 tỷ đồng đạt 96% so kế hoạch năm, đạt 102% so với thực hiện năm 2012.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2013: 14,2 tỷ đồng đạt 105% so kế hoạch và đạt 109% so với thực hiện năm 2012 (chênh lệch tăng 1,2 tỷ đồng).
- Cổ tức : 8%.
- Kết quả kinh doanh 2013 cho thấy SCC tiếp tục phát triển ổn định mặc dù tình hình kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn phức tạp. Kết quả kinh doanh chứng minh sự chỉ đạo linh hoạt của HĐQT và sự năng động nhạy bén của Ban điều hành đạt hiệu quả tốt, tạo đà phát triển công ty một cách bền vững.

**Về nguồn vốn chủ sở hữu:**

**DVT : Đồng**

Stt	Nội dung	Thời điểm 31/12/2013	Thời điểm 31/12/2012
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (vốn điều lệ)	80,630,390,000	80,630,390,000
2	Thặng dư vốn cổ phần	24,544,846,942	24,544,846,942
3	Quỹ đầu tư phát triển	6,107,934,508	5,886,298,963
4	Quỹ dự phòng tài chính	5,551,524,613	4,997,435,748
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	21,579,009,349	17,836,880,010
	<b>Tổng cộng nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>138,413,705,412</b>	<b>133,895,851,663</b>

**Bảng đề xuất phân phối lợi nhuận năm 2013:**

**DVT: Đồng**

Stt	Nội dung	Số tiền
<b>I</b>	<b>Tổng lợi nhuận sau thuế phân phối (1+2)</b>	<b>25,610,528,849</b>
1	Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối các năm trước (sau khi trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2012)	14,894,458,935
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2013	10,716,069,914
<b>II</b>	<b>Chi cổ tức đợt 1 năm 2013 ( đã chia tỷ lệ 5%)</b>	<b>4,031,519,500</b>
<b>III</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo báo cáo kiểm toán thời điểm 31/12/2013 sau khi tạm ứng cổ tức đợt 1-2013 (I-II)</b>	<b>21,579,009,349</b>
<b>IV</b>	<b>Phân phối lợi nhuận (1+2)</b>	<b>4,026,322,188</b>
1	Trích lập các quỹ	1,607,410,488

	Quỹ dự phòng tài chính (5%)	535,803,496
	Quỹ khen thưởng - phúc lợi (5%)	535,803,496
	Quỹ đầu tư phát triển (5%)	535,803,496
<b>2</b>	<b>Chi cổ tức đợt 2 năm 2013 ( đã chia tỷ lệ 3%)</b>	<b>2,418,911,700</b>
<b>V</b>	<b>Tổng lợi nhuận sau thuế giữ lại sau khi trích lập các quỹ và chia cổ tức đợt 2 - năm 2013 (III -IV)</b>	<b>17,552,687,161</b>

### **3. Kế hoạch kinh doanh năm 2014**

#### **3.1 Dự báo môi trường kinh doanh năm 2014:**

- Năm 2014 tình hình kinh tế suy giảm, số doanh nghiệp ngưng hoạt động, phá sản vẫn ở mức cao đến năm 2014 cả nước có khoảng 700.000 doanh nghiệp đăng ký thành lập, song số còn hoạt động chỉ hơn hơn 400.000 đơn vị, trong 3 năm qua đã có khoảng 150.000 doanh nghiệp phải rời thị trường (trên 60% doanh nghiệp hoạt động không có lãi, không có khả năng nộp thuế).
- Tình hình thất nghiệp gia tăng, sức mua thị trường yếu, trong khi chi phí đầu vào tăng cao và tăng liên tục, doanh nghiệp sản xuất lỗ, sản xuất cầm chừng chỉ để duy trì thị trường và bảo tồn lực lượng. Bên cạnh đó, các chính sách của Nhà nước chưa phát huy tác dụng kịp thời để hỗ trợ cho doanh nghiệp và thiếu ổn định chưa tạo cho doanh nghiệp động lực để đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh.

#### **3.2 Cơ hội và thách thức:**

- (+) Thị phần nước hoa có nhiều cơ hội tăng trưởng
- (+) Người tiêu dùng bắt đầu tin dùng vào chất lượng sản phẩm hàng Việt Nam với mức giá phù hợp và chất lượng được công nhận.
- (-) Tình hình kinh tế khó khăn và chưa hồi phục trong năm 2013, khả năng sức mua sẽ tiếp tục giảm.
- (-) Tình hình cạnh tranh trong ngành mỹ phẩm chưa lành mạnh, một số hình thức như trốn thuế, vi phạm quyền sở hữu trí tuệ và hàng nhập lậu vẫn bán tràn lan.
- (-) Tình trạng bất ổn về kinh tế và chính trị tại các nước giao thương với SCC.

#### **3.3 Kế hoạch doanh thu năm 2014**

Năm 2013 còn nhiều khó khăn thách thức khó dự đoán được. Tuy nhiên Công ty luôn vận dụng những thử thách để biến thành thuận lợi nhằm phát triển công ty đi

lên trong tình hình kinh tế còn diễn biến phức tạp.

SCC đã xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2014 với chỉ tiêu như sau :

*DVT: Đồng*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>KH 2014</b>	<b>TH 2013</b>	<b>KH/TH(%)</b>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	200,000,000,000	187,337,384,492	107%
Lợi nhuận trước thuế	14,500,000,000	14,208,260,163	102%

Dự kiến tỷ lệ chia cổ tức : 8%

Trong năm 2014 Công ty đã xây dựng kế hoạch để nhằm tập trung về chiều sâu, đầu tư cải tiến sản phẩm và phát triển sản phẩm mới, giữ vững thị phần thông qua hoạt động quảng bá thương hiệu hình ảnh công ty đến người tiêu dùng, xây dựng hệ thống phân phối ...

#### **Tóm tắt định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2014:**

- Giữ vững và gia tăng thị phần.
- Phát triển ngành hàng tiêu dùng.
- Nâng cao năng suất và hiệu quả kinh doanh.

### **BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

#### **1. Tổng quan hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013**

##### **a. Hoạt động quản trị**

- Kiểm soát hiệu quả sử dụng chi phí quản lý & chi phí đầu vào.
- Triển khai hiệu quả việc thực hiện đánh giá năng lực các bộ phận và cá nhân theo KPIs.
- Sàng lọc tinh gọn bộ máy nhân sự, đảm bảo hiệu quả và năng suất làm việc tất cả các bộ phận.

##### **b. Hoạt động sản xuất**

- Triển khai tổ chức hiệu quả nhằm nâng cao năng suất lao động.
- Đảm bảo chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn quy định.
- Thực hiện tốt và đầy đủ công tác bảo hộ lao động, PCCC, bảo vệ môi trường.

##### **c. Hoạt động kinh doanh**

- Sản phẩm: đa dạng thêm nhiều sản phẩm mới cho nhiều đối tượng khách hàng.
- Đầu tư cải tiến chất lượng, hình ảnh bao bì sản phẩm phù hợp đối tượng khách hàng.



- Đầu tư cải tiến sản phẩm mới: sữa tắm nước hoa Cindy, sữa tắm Naturals, SC Perfume, xịt phòng lớn PureAir, bộ nước hoa Fantasy French Collection. Các sản phẩm cải tiến: dầu gội bồ kết truyền thống Fresh, dầu gội và dầu xả bồ kết tinh dầu bưởi Fresh, nước hoa Mirage, nước hoa nam Manley, nước hoa nam Jackson, nước hoa Aroma Link, nước rửa kính Glossy.
- Kênh phân phối:
  - Truyền thống: Kiểm soát tốt lượng hàng tồn kho nhà phân phối giảm bình quân tồn kho từ 2 tháng bán hàng xuống còn 3 tuần bán hàng.
  - Siêu thị, Công đoàn, OEM: Trong năm kênh siêu thị có các hoạt động hoạt náo gắn kết với người tiêu dùng như tặng quà, tư vấn chăm sóc tóc và gội đầu miễn phí.
  - SC Perfume: SC Perfume xây dựng hệ thống bán hàng tại thị trường miền Bắc; tất cả các showroom, cửa hàng đều có lượng khách hàng thân thiết nhất định và tăng trưởng đều đặn; tổ chức các buổi bán hàng và giới thiệu sản phẩm tại các cao ốc văn phòng.
  - Xuất khẩu: Các thị trường phát triển ổn định. Trong năm xuất khẩu đã phát triển thêm thị trường mới tại Australia và xây dựng thành công hệ thống bán hàng online cho toàn thị trường Australia.

d. Hoạt động đầu tư: Doanh thu từ hoạt động cho thuê nhà là 1.8 tỷ.

Lợi nhuận công ty trong năm vượt 5% so với kế hoạch đề ra và vượt 9% so cùng kỳ năm 2012. Mỹ Phẩm Sài Gòn hiện là Công ty mỹ phẩm Việt Nam duy nhất trong top 10 dẫn đầu về thị phần nước hoa tại Việt Nam.

## **2. Mục tiêu và phương hướng hoạt động 2014**

Mục tiêu của Công ty là tối đa hóa giá trị của cổ đông và theo đuổi chiến lược phát triển kinh doanh dựa trên những yếu tố chủ lực sau:

- củng cố, xây dựng và phát triển hệ thống các thương hiệu mạnh đáp ứng các nhu cầu và tâm lý của người tiêu dùng.
- Đầu tư mở rộng các ngành hàng tiêu dùng nhanh (dầu gội, sữa tắm, xà phòng, khử mùi cơ thể...) song song với nước hoa nhằm đáp ứng xu hướng tiêu dùng tăng nhanh đối với các mặt hàng này.
- củng cố hệ thống và chất lượng phân phối một cách chủ động và hiệu quả nhằm gia tăng thị phần.
- Đẩy mạnh phát triển thị trường mới cho kênh Xuất khẩu.
- Mở rộng sang các sản phẩm trung cao cấp nhằm nâng cao tỷ suất lợi nhuận chung của toàn Công ty.
- Tăng hiệu quả sử dụng chi phí toàn Công ty, kiểm soát tốt chi phí sản xuất, bán

hàng và chi phí quản lý.

- Phát triển nguồn nguyên vật liệu đảm bảo tính ổn định, chất lượng cao với giá cạnh tranh và đáng tin cậy.

#### **Các hoạt động chính trong năm 2014**

- Quản lý hiệu quả chi phí: tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu đầu vào, tối ưu chi phí quản lý và chi phí bán hàng với mục tiêu tỉ lệ thấp hơn năm 2013.
- Sản phẩm: phát triển cơ cấu sản phẩm thấp, trung và cao theo tỉ lệ hợp lý và xây dựng chiến lược phát triển riêng cho từng nhóm sản phẩm.
- Tập trung quảng bá các sản phẩm: dầu gội Fresh, sữa tắm, nước hoa, nước hoa xịt phòng Spring qua các hình thức như: tài trợ gameshow, quảng cáo tại cao ốc văn phòng, truyền thông qua các tạp chí, trưng bày bảng hiệu tại các chợ trung tâm và các quầy kệ siêu thị...
- Xuất khẩu: phát triển thêm nhiều thị trường mới. Thị trường tập trung đầu tư mới: Myanmar, Châu Mỹ và Châu Phi.
- Nâng tầm SC Perfume trở thành thương hiệu đẳng cấp trong ngành nước hoa tại Việt Nam:
  - Thay đổi hình ảnh showroom SC Perfume theo mô hình chuẩn Tax và Lotte.
  - Tập trung quảng bá tại các cao ốc văn phòng hạng A,B.
- Hoạt động khác:
  - Phát triển thêm dòng sản phẩm mới phục vụ cho kênh Nhà hàng - Khách sạn - Dịch vụ ăn uống.
  - Tìm kiếm các đối tác phát triển mạnh các sản phẩm gia công OEM.
  - Thiết lập các quy trình nâng cao hiệu suất công việc và triển khai kiểm soát nội bộ.

Một số hình ảnh hoạt động và các sản phẩm của Công ty



Showroom tư vấn và giới thiệu sản phẩm tại thương xá Tax



Showroom tư vấn và giới thiệu sản phẩm tại siêu thị Coop Cần Thơ



Trang web bán hàng online :www.scpfume.com.au tại Úc



Hình ảnh các sản phẩm trên trang web bán hàng online tại Úc





Bộ sưu tập nước hoa xịt phòng Spring



Bộ sưu tập sữa tắm và nước hoa Cindy



Bộ sưu tập nước hoa Fantasy French Collections



Sản phẩm mới Bò kết Fresh hương nhu - ru làng tóc Việt

## **BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT**

### **I. Năm 2013 Ban kiểm soát đã tiến hành các hoạt động như sau:**

- Lập kế hoạch kiểm tra, giám sát, phân công nhiệm vụ cụ thể và thực thi việc kiểm soát theo kế hoạch đã đề ra;
- Giám sát việc thực hiện Nghị Quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012; Giám sát việc tuân thủ pháp luật Nhà nước, điều lệ và các qui định nội bộ của Ban lãnh đạo trong việc điều hành, quản lý công ty;
- Phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị Công ty để báo cáo và tham vấn thông qua các cuộc họp trong năm.
- Kiểm tra giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2013;

### **II- Kết quả kiểm tra, giám sát năm 2013**

#### **1. Lập kế hoạch và thực thi việc kiểm tra:**

- Chúng tôi đã lên kế hoạch kiểm tra và phân công cụ thể cho các thành viên để tiến hành giám sát ở các lĩnh vực: Tài chính-Kế toán, Nhân sự, Cung ứng, Kỹ thuật, Sản xuất, Kinh doanh và Tiếp thị.
- Phương pháp kiểm soát: tiến hành họp với các lãnh đạo bộ phận để yêu cầu báo cáo về tình hình hoạt động, nghiên cứu các báo cáo quý, báo cáo tháng, yêu cầu cung cấp hồ sơ cần thiết để đảm bảo tính trung thực khách quan, đối chiếu so sánh giữa kế hoạch và thực hiện, Phỏng vấn nhân sự có liên quan để tìm hiểu thêm vấn đề cần làm rõ.
- Trong năm 2013, BKS có bốn cuộc họp chính thức để trao đổi về kết quả hoạt động, đánh giá tình hình kiểm soát công ty cũng như đưa ra các vấn đề cần trao đổi với Hội đồng quản trị.

#### **2. Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012**

- Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012, Công ty đã tiến hành với các kết quả như sau:
- Công ty đã tiến hành lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, chuyên nghiệp, có uy tín để thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2013 đó là công ty A&C;
- Công ty đã tiến hành tạm ứng cổ tức năm 2013 tỷ lệ là 8% cho các cổ đông

- Trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh Ban Lãnh Đạo luôn tuân thủ các qui định của Pháp luật, điều lệ Công ty và các qui định nội bộ nghiêm túc, đảm bảo hiệu quả.

### **3. Phối hợp hoạt động với Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát.**

- Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Tổng giám đốc nhưng vẫn duy trì sự độc lập của mình trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao trong hoạt động kiểm tra, giám sát và kiểm soát nội bộ.
- Trong năm 2013, Hội đồng quản trị đã mời BKS họp 7 lần để tham gia ý kiến vào các quyết định trong kinh doanh, nghe BKS báo cáo tình hình giám sát các bộ phận. Hai bên cũng đã thẳng thắn trao đổi về các kết quả kiểm soát để làm rõ những nội dung liên quan.

### **4. Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2013**

- Qua kết quả kinh doanh 2013 cho thấy SCC tiếp tục phát triển ổn định và bền vững mặc dù tình hình kinh tế vẫn đang diễn biến phức tạp, khó lường. Và điều này chứng minh công tác điều hành HĐQT rất nhạy bén và sự năng động nhiều sáng tạo của Ban điều hành.
- Doanh thu năm 2013 của công ty đạt 187,33 tỷ đồng đạt 96% so kế hoạch năm, đạt 102% so với thực hiện năm 2012.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2013: 14,2 tỷ đồng đạt 105% so kế hoạch và đạt 109% so với thực hiện năm 2012 (chênh lệch tăng 1,2 tỷ đồng).  
Cổ tức : 8%.  
(các số liệu cụ thể đề nghị tham khảo BCTC 2013)
- Điểm nổi bật năm 2013 Ban điều hành đã thay đổi chính sách tín dụng, giảm công nợ, tăng tính thanh khoản, cân đối tốt tỷ trọng doanh thu giữa xuất khẩu và nội địa giảm rủi ro tỷ giá.
- Kết quả kinh doanh trên đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán A&C, BKS sau khi nghiên cứu Báo cáo nhận thấy :
- Các chỉ số cơ bản về tình hình công nợ, vốn vay, tính thanh khoản, hiệu quả sử dụng tài sản, trích lập dự phòng, vốn chủ sở hữu, hiệu suất quay vòng vốn đều đạt chuẩn cao; Công ty đã chủ động sử dụng nguồn tiền có được của công ty không phụ thuộc vào vốn vay ngân hàng đang có nhiều biến động.



- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hoàn thành tốt, lợi nhuận vượt so kế hoạch đề ra.

### **III. Kết luận, Kiến nghị:**

- Trong suốt quá trình hoạt động năm 2013, Ban Kiểm soát nhận thấy các thành viên HĐQT, Ban Lãnh đạo cùng các nhân sự chủ chốt của Công ty đã làm việc nghiêm túc, hết lòng vì mục tiêu chung, luôn phấn đấu nâng cao năng suất, sáng tạo, không ngại khó khăn để quyết tâm hoàn thành mục tiêu kinh doanh đồng thời cũng đã hợp tác tốt với BKS trong vấn đề thực thi việc kiểm tra giám sát công ty.
- Về tài chính các số liệu rõ ràng, minh bạch. Hoạt động điều hành không vi phạm vào qui định của Pháp luật cũng như điều lệ công ty. Chi phí được kiểm soát chặt chẽ, tiết kiệm không lãng phí, các báo cáo phản ánh trung thực tình hình công ty.
- Chúng tôi cũng xin kiến nghị HĐQT và BLĐ tiếp tục phát huy tinh thần năng động, sáng tạo, liên tục đổi mới trong năm 2014 này cũng như những năm tới để công ty CP Mỹ phẩm Sài Gòn trở thành một công ty đứng đầu trong ngành hóa mỹ phẩm Việt Nam.
- Với tinh thần này, chúng tôi tin tưởng mục tiêu sẽ đạt được nhờ vào năng lực quản trị, xây dựng và phát triển doanh nghiệp của HĐQT, BDH và toàn thể cán bộ, công nhân viên của SCC. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn quý cổ đông, toàn thể cán bộ CNV đã tin tưởng, ủng hộ và kính chúc Công ty ngày càng phát triển.

Kính chúc sức khỏe quý cổ đông,

**TM. Ban Kiểm Soát**  
**Trưởng Ban**



**Dao Nam Viet**

## **BÁO CÁO QUẢN TRỊ**

### **1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:**

<b>Stt</b>	<b>Thành viên HĐQT</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Số buổi họp tham dự</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Lý do không tham dự</b>
1	Bà Nguyễn Kim Thoa	CT. HĐQT	7/7	100%	
2	Lý Nguyễn Lan Phương	TV. HĐQT	7/7	100%	
3	Nguyễn Hồng Tâm Đại diện phần vốn nhà nước	TV. HĐQT	7/7	100%	
4	Ivy Phương Trần	TV. HĐQT	7/7	100%	
5	Lê Duy Cường	TV. HĐQT	7/7	100%	
6	Huỳnh Khôn	TV. HĐQT	7/7	100%	
7	Nguyễn Thị Thanh Thảo	TV. HĐQT	7/7	100%	

### **2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc:**

Hội đồng quản trị theo dõi, giám sát và những quyết sách chỉ đạo bám sát tình hình sản xuất kinh doanh cũng như hoạt động điều hành của Ban Tổng giám đốc trong năm 2013 HĐQT đã thực hiện các công việc sau:

- ✓ Giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, phân tích đánh giá hiệu quả các dự án đầu tư và công tác tổ chức nhân sự.
- ✓ HĐQT luôn chú trọng thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành và Điều lệ của Công ty;
- ✓ HĐQT kịp thời chỉ đạo và hỗ trợ Tổng Giám đốc trong công tác triển khai thực hiện các chỉ tiêu sản xuất – kinh doanh của Công ty;
- ✓ HĐQT luôn giám sát Tổng Giám đốc trong việc điều hành sản xuất – kinh doanh và tài chính doanh nghiệp.

- ✓ HĐQT thường xuyên giám sát Tổng Giám đốc trong việc tổ chức và thực hiện các nghị quyết của HĐQT, Đại hội đồng cổ đông và trong việc điều hành sản xuất – kinh doanh.
- ✓ Giám sát hoạt động kiểm toán kết quả kinh doanh năm 2013.
- ✓ Giám sát lập kế hoạch kinh doanh năm 2014.

### 3. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị :

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/HĐQT/2012	31/1/2013	Thông nhất chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2013.
3	03/HĐQT/2013	1/3/2013	Thông nhất KH triển khai các hoạt động kinh doanh theo kế hoạch kinh doanh năm 2013.
4	04/HĐQT/2013	31/5/2013	Nghị quyết thống nhất các nội dung báo cáo tại đại hội cổ đông năm 2012.
5	05/HĐQT/2013	31/5/2013	V/v phân phối lợi nhuận năm 2012
6	06/HĐQT/2013	31/5/2013	V/v Sửa đổi điều lệ công ty
7	07/HĐQT/2013	31/5/2013	V/v đề nghị ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định một số vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ
8	08/HĐQT/2013	31/5/2013	V/v phê duyệt thù lao Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm soát năm tài chính 2012
9	10/HĐQT/2013	17/06/2013	Nghị quyết đại hội đồng năm 2012
10	12/HĐQT/2013	17/6/2013	Nghị quyết về việc chia cổ tức đợt 2/2012 và tạm ứng cổ tức đợt 1/2013

11	13/HĐQT/2013	11/07/2013	V/ v mở hạn mức tín dụng năm 2013
12	14/HĐQT/2013	18/12/2013	-Chuyên đề khoa học kỹ thuật – sản xuất – nguồn lực. -Tổ chức lễ kỷ niệm 10 năm thành lập trụ sở mới tại Q2.
13	15/HĐQT/2013	27/12/2014	- Kế hoạch kinh doanh năm 2014.

## QUẢN TRỊ RỦI RO

### *Tổng quan*

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Tổng Giám đốc phê duyệt.

### *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

#### *Phải thu khách hàng*

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Tổng Giám đốc đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Đối với các khách hàng giao dịch lần đầu hay không thường xuyên thì phải thanh toán trước theo hợp đồng cho các đại lý. Ngoài ra, nhân viên phòng kinh doanh thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	<b>Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá</b>	<b>Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá</b>	<b>Đã quá hạn nhưng không giảm giá</b>	<b>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối năm</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.781.070.186	-	-	-	14.781.070.186
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	12.260.000.000	-	-	-	12.260.000.000
Phải thu khách hàng	19.815.371.127	-	-	865.625.553	20.680.996.680
Các khoản phải thu khác	882.640.608	-	-	-	882.640.608
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-	-	2.321.504.888	2.321.504.888
<b>Cộng</b>	<b>47.739.081.921</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3.187.130.441</b>	<b>50.926.212.362</b>
<b>Số đầu năm</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.108.470.150	-	-	-	24.108.470.150
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.791.680.526	-	-	-	2.791.680.526
Phải thu khách hàng	11.589.560.015	-	-	524.881.662	12.114.441.677
Các khoản phải thu khác	856.899.492	-	-	-	856.899.492
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-	-	2.667.036.046	2.667.036.046
<b>Cộng</b>	<b>39.346.610.183</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3.191.917.708</b>	<b>42.538.527.891</b>

### ***Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<b>Từ 01 năm trở xuống</b>	<b>Trên 01 năm đến 05 năm</b>	<b>Trên 05 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối năm</b>				
Phải trả người bán	13.504.700.365	-	-	13.504.700.365
Các khoản phải trả khác	14.452.500.288	305.460.000	-	14.757.960.288
<b>Cộng</b>	<b>27.957.200.653</b>	<b>305.460.000</b>	<b>-</b>	<b>28.262.660.653</b>

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả người bán	17.083.041.393	-	-	17.083.041.393
Các khoản phải trả khác	11.706.107.052	461.910.000	-	12.168.017.052
<b>Cộng</b>	<b>28.789.148.445</b>	<b>461.910.000</b>	-	<b>29.251.058.445</b>

Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### ***Rủi ro thị trường***

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa, nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, giá chứng khoán và giá hàng hóa, nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

### ***Rủi ro ngoại tệ***

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD và EUR do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	89.852,99	101,41	127.098,96	100,46
Phải thu khách hàng	472.690,75	-	119.229,30	-
Phải trả người bán	(176.596,95)	(183,00)	(260.465,14)	(348,00)
<b>Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ</b>	<b>385.946,79</b>	<b>(81,59)</b>	<b>(14.136,88)</b>	<b>(247,54)</b>

Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do tài sản/(nợ phải trả) thuần gốc ngoại tệ có giá trị nhỏ.

*Rủi ro về giá chứng khoán*

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ.

*Rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu*

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa, nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

*Tài sản đảm bảo*

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

**1. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

*Tài sản tài chính*

	Giá trị ghi sổ					
	Số cuối năm		Số đầu năm		Giá trị hợp lý	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.781.070.186	-	24.108.470.150	-	14.781.070.186	24.108.470.150
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	12.260.000.000	-	2.791.680.526	-	12.260.000.000	2.791.680.526
Phải thu khách hàng	20.680.996.680	(642.289.554)	12.114.441.677	(387.956.877)	20.038.707.126	11.726.484.800
Các khoản phải thu khác	882.640.608	-	856.899.492	-	882.640.608	856.899.492
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	2.321.504.888	(1.743.376.455)	2.667.036.046	(1.763.874.046)	578.128.433	903.162.000
<b>Cộng</b>	<b>50.926.212.362</b>	<b>(2.385.666.009)</b>	<b>42.538.527.891</b>	<b>(2.151.830.923)</b>	<b>48.540.546.353</b>	<b>40.386.696.968</b>

*Nợ phải trả tài chính*

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	13.504.700.365	17.083.041.393	13.504.700.365	17.083.041.393
Các khoản phải trả khác	14.757.960.288	12.168.017.052	14.757.960.288	12.168.017.052
<b>Cộng</b>	<b>28.262.660.653</b>	<b>29.251.058.445</b>	<b>28.262.660.653</b>	<b>29.251.058.445</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2013

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL1	187,337,384,492	183,235,448,812
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL1	7,327,649,371	1,988,752,622
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VL1	180,009,735,121	181,246,696,190
4. Giá vốn hàng bán	11	VL2	103,503,581,806	104,932,596,973
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		76,506,153,315	76,314,099,217
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL3	2,581,507,295	3,036,713,176
7. Chi phí tài chính	22	VL4	476,450,634	(286,697,404)
Trong đó: chi phí lãi vay	23		80,940,406	84,593,518
8. Chi phí bán hàng	24	VL5	48,002,009,745	49,872,849,279
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL6	16,401,007,472	17,533,010,010
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14,208,192,759	12,231,650,508
11. Thu nhập khác	31	VL7	2,273,916,994	834,965,111
12. Chi phí khác	32	VL8	2,273,849,590	65,841,974
13. Lợi nhuận khác	40		67,404	769,123,137
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14,208,260,163	13,000,773,645
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.19	3,492,190,249	1,918,996,354
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>10,716,069,914</u>	<u>11,081,777,291</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL9	<u>1,329</u>	<u>1,374</u>

## CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 930 Nguyễn Thị Định, phường Thanh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>96,460,509,644</b>	<b>91,824,636,172</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>14,781,070,186</b>	<b>24,108,470,150</b>
1. Tiền	111		6,919,794,658	6,121,337,643
2. Các khoản tương đương tiền	112		7,861,275,528	17,987,132,507
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>12,838,128,433</b>	<b>3,694,842,526</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	14,581,504,888	5,458,716,572
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(1,743,376,455)	(1,763,874,046)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>23,371,021,620</b>	<b>14,422,708,885</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	20,680,996,680	12,114,441,677
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	2,909,623,389	2,359,585,693
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	423,081,105	336,638,392
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(642,679,554)	(387,956,877)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>43,669,126,827</b>	<b>46,958,668,364</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.8	46,442,787,442	48,474,548,991
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.9	(2,773,660,615)	(1,515,880,627)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1,801,162,578</b>	<b>2,639,946,247</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		189,416,257	170,262,566
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		137,920,466	1,497,782,590
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	1,473,825,855	971,901,091

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>80,956,593,658</b>	<b>84,387,206,913</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>49,072,208,770</b>	<b>51,441,326,128</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	20,579,086,202	22,079,603,919
<i>Nguyên giá</i>	222		44,364,915,644	45,832,442,137
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(23,785,829,442)	(23,752,838,218)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	28,396,233,523	28,686,699,093
<i>Nguyên giá</i>	228		29,587,001,854	29,584,426,854
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1,190,768,331)	(897,727,761)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	96,889,045	675,023,116
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>V.14</b>	-	<b>1,324,422,262</b>
<i>Nguyên giá</i>	241		-	1,391,137,000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	(66,714,738)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>30,000,000,000</b>	<b>30,000,000,000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.15	30,000,000,000	30,000,000,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1,884,384,888</b>	<b>1,621,458,523</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	1,881,384,888	1,573,138,523
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		3,000,000	48,320,000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>177,417,103,302</b>	<b>176,211,843,085</b>

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>300</b>		<b>39,003,397,890</b>	<b>42,315,991,422</b>
<b>I Nợ ngắn hạn</b>		<b>310</b>		<b>38,697,937,890</b>	<b>41,854,081,422</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn		311		-	-
2. Phải trả người bán		312	V.17	13,504,700,365	17,083,041,393
3. Người mua trả tiền trước		313	V.18	2,004,831,434	2,405,238,838
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		314	V.19	1,378,749,028	3,518,195,993
5. Phải trả người lao động		315	V.20	5,829,511,900	5,440,540,677
6. Chi phí phải trả		316	V.21	3,443,683,417	3,078,740,064
7. Phải trả nội bộ		317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		319	V.22	11,904,271,568	9,275,917,744
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		323	V.23	632,190,178	1,052,406,713
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		327		-	-
<b>II Nợ dài hạn</b>		<b>330</b>		<b>305,460,000</b>	<b>461,910,000</b>
1. Phải trả dài hạn người bán		331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ		332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác		333	V.24	305,460,000	461,910,000
4. Vay và nợ dài hạn		334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn		337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện		338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		339		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>400</b>		<b>138,413,705,412</b>	<b>133,895,851,663</b>
<b>I Vốn chủ sở hữu</b>		<b>410</b>		<b>138,413,705,412</b>	<b>133,895,851,663</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411	V.25	80,630,390,000	80,630,390,000
2. Thặng dư vốn cổ phần		412	V.25	24,544,846,942	24,544,846,942
3. Vốn khác của chủ sở hữu		413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ		414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		417	V.25	6,107,934,508	5,886,298,963
8. Quỹ dự phòng tài chính		418	V.25	5,551,524,613	4,997,435,748
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		420	V.25	21,579,009,349	17,836,880,010
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		422		-	-
<b>II Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí		432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>440</b>		<b>177,417,103,302</b>	<b>176,211,843,085</b>

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****(Theo phương pháp gián tiếp)****Năm 2013**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>14,208,260,163</b>	<b>13,000,773,645</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.11, V.12, V.14	2,914,239,003	2,498,134,706
- Các khoản dự phòng	03	V.3, V.7, V.9	1,492,005,074	(1,860,984,132)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3	(38,138,509)	(55,892,311)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1,537,494,241)	(2,852,203,973)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	80,940,406	84,593,518
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>17,119,811,896</b>	<b>10,814,421,453</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(17,318,442,877)	11,327,738,912
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2,031,761,549	(10,384,356,178)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(932,307,452)	2,812,462,070
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		129,456,643	418,348,253
- Tiền lãi vay đã trả	13	VI.4	(80,940,406)	(84,593,518)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.19	(5,237,235,194)	(2,578,007,542)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		20,000,000	256,200,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1,122,185,400)	(1,141,303,794)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(5,390,081,241)</b>	<b>11,440,909,656</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11, V.12, V.13	(1,795,061,009)	(5,408,442,816)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7, V.6	1,277,436,364	236,663,636
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	2,321,235,598	2,468,039,268
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>1,803,610,953</b>	<b>(2,703,739,912)</b>

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013					
<b>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)</b>					
CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>					
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		5,600,000,000	3,511,668,085
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(5,600,000,000)	(3,511,668,085)
5.	Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.25	(5,740,801,900)	(7,994,173,100)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>40</b>		<b>(5,740,801,900)</b>	<b>(7,994,173,100)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>50</b>		<b>(9,327,272,188)</b>	<b>742,996,644</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>24,108,470,150</b>	<b>23,309,581,195</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		61		(127,776)	55,892,311
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>		<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>14,781,070,186</b>	<b>24,108,470,150</b>
TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2014					



**BAKER TILLY  
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C  
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City  
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970  
Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City  
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City  
Branch in Cần Thơ : 162C/4 Trần Ngọc Quê St., Cần Thơ City  
[www.a-c.com.vn](http://www.a-c.com.vn)

Số: 0437/2014/BCTC-KTTV

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

### **Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần mỹ phẩm Sài Gòn, được lập ngày 10 tháng 03 năm 2014, từ trang 08 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

#### **Trách nhiệm của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần mỹ phẩm Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### HOẠT ĐỘNG HƯỚNG ĐẾN CỘNG ĐỒNG



Bên cạnh việc kinh doanh, quan tâm quyền lợi Cán bộ, công nhân viên, cổ đông, khách hàng và với sự đóng góp tích cực từ các Cán bộ, công nhân viên và cổ đông Công ty đã có những hoạt động hướng về cộng đồng. Tổng chi cho các chương trình từ thiện xã hội trong năm 2013 là 950.000.000 đồng thực hiện các chương trình, Chương trình “Cây mùa xuân 2013”, xây dựng nhà tình thương, hỗ trợ phát động chương trình “*Người Việt dùng hàng Việt*”, gây quỹ và phát học bổng Lê Duy Tân, Nguyễn Đức Cảnh cho học sinh nghèo hiếu học, học sinh giỏi cho con em cán bộ công nhân viên công ty, nuôi dưỡng bà mẹ Việt Nam Anh Hùng, tặng quà người nghèo, khuyết tật, người mù, người già neo đơn, Ủng hộ đồng bào thiên tai, lũ lụt, phát quà bệnh nhân nghèo tại các bệnh viện...



## HỆ THỐNG DANH MỤC CÁC CHI NHÁNH, SIÊU THỊ, SHOWROOM

### 1. Hệ thống chi nhánh

- 1 Chi nhánh TPHCM 59 Nguyễn Văn Cừ, Phường 5, Quận 5, TPHCM
- 2 Chi nhánh tại Hà Nội 14 Đường Trung Yên 3, Trung hòa, Quận cầu giấy TP. Hà Nội.

### 2. Hệ thống siêu thị

- 1 Hệ thống siêu thị Coopmart 199-205 Nguyễn Thái Học, Quận 1, HCM
- 2 Hệ thống siêu thị Big C 1231 Quốc lộ 1A, KP5, Q Bình Tân, HCM
- 3 Hệ thống siêu thị Maximark 15-17 Cộng Hòa, Q. Tân Bình, Tp.HCM
- 4 Hệ thống siêu thị Vinatex 2 Hoàng Việt , Q Tân Bình, HCM
- 5 Hệ thống siêu thị Lotte Tân Hưng, quận 7, HCM

### 3. Hệ thống các showroom

- 1 SC Perfum Tax 135B Nguyễn Huệ, Q.1, HCM
- 2 SC Perfum Citi plaza 230 Nguyễn Trãi, Quận 1, HCM
- 3 SC Perfum Tân Bình 15-17 Cộng Hòa, Quận Tân Bình, Tp.HCM
- 4 SC Perfum Quận 10 Số 3C, đường 3/2, phường 11, Q10, HCM
- 5 SC Perfum Quận 7 Tân Hưng quận 7, HCM
- 6 SC Perfum Phan Thiết Số 1A, đường Nguyễn Tất Thành, phường Bình Hưng, TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.
- 7 SC Perfum Hoàn Kiếm 40 Hàng trống, Quận Hoàn Kiếm Hà Nội
- 8 SC Perfum Hà Đông Siêu thị Co-op mart , Hà Đông, Hà Nội
- 9 SC Perfum Cần Thơ Siêu thị Co-op mart số 01 Hòa Bình, Cần Thơ

**TM. Hội Đồng Quản Trị  
Chủ Tịch**

